

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ GIANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST

Ngày: 01 - 4 - 2022

V/v xin ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Minh Tư

Bà Khuất Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng - Thư ký viên TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Giàng Chấn Sồ - Kiểm sát viên.

Ngày 01/4/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 11/11/2021 về việc "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh L, sinh năm 1987. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1984. Vắng mặt không lý do.

Các đương sự cùng cư trú tại: Số nhà đường T, tổ phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 09/11/2021; Bản tự khai đề ngày 25/11/2021 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Tiến D tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 14/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh D là người không có trách nhiệm với vợ con, chỉ biết lo cho bản thân mình, vương vào nợ nần rồi bỏ nhà đi từ cuối năm 2018. Anh D đi đâu làm gì không cho vợ con được biết, cũng không quan tâm, hỏi han, chăm sóc đến chị và con trai nhỏ. Thỉnh thoảng Anh D về qua nhà xong lại đi luôn không nói gì cho chị biết. Tháng 9/2021 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó Anh D quay về và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, chị cũng vì thương con và tạo cơ hội cho Anh D

thay đổi nên chị đã tự nguyện rút đơn xin ly hôn để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chỉ một thời gian ngắn Anh D lại bỏ đi mà không nói gì với mẹ con chị. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân quá lâu mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh D.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2012. Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V từ nhỏ đến nay. Anh D bỏ đi từ năm 2018 đến nay không quan tâm, chăm lo gì cho con. Bản thân chị hiện nay có cuộc sống và công việc ổn định, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ đảm bảo để lo cho cuộc sống của 2 mẹ con, do vậy khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Minh V cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Chị không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Tiến D*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã ra Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập Anh D đến Tòa án để viết bản tự khai và lấy lời khai theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng bị đơn đều không có mặt, không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của Anh D ở tại tổ , phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Tổ trưởng tổ đã xác nhận anh Nguyễn Tiến D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ , phường T, thành phố H. Hiện tại Anh D không có mặt ở địa phương, tổ dân phố chỉ nắm được là Anh D bỏ đi làm ăn xa, còn hiện nay Anh D làm gì, ở đâu thì anh không thông báo cho tổ được biết nên tổ không nắm được, Anh D thỉnh thoảng có về thăm con vài ngày xong lại đi. Do Anh D không thường xuyên có mặt ở nhà, không tham gia sinh hoạt gì với tổ dân phố nên tình trạng hôn nhân của anh chị như thế nào tổ cũng không nắm được.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai; Toà án không ghi được lời khai, không tổ chức được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa chị L có ý kiến: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với Anh D, chị cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể cải thiện được, tình cảm vợ chồng không còn, Anh D không quan tâm gì đến vợ và con. Con sinh hoạt, học hành thế nào Anh D cũng không biết, không quan tâm hỏi han, vợ chồng đã ly thân nhau một thời gian dài không còn quan tâm, chăm sóc, tôn trọng, tin tưởng nhau nữa nên không thể quay lại chung sống cùng nhau được. Về con chung: Chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh V và đảm bảo được điều kiện tốt nhất cho cháu. Chị không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày và ý kiến, đề nghị gì.

* *Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Hà Giang*:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ quy định của pháp luật, không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, gây khó khăn cho Tòa án, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, vi phạm các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị Thanh L được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2012 cho chị Trần Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh L về việc xin ly hôn anh Nguyễn Tiến D, bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Tổ 2 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, do đó Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D hiện nay không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp, không thông báo địa chỉ nơi ở mới cho nguyên đơn biết được coi là cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã niêm yết các văn bản của Tòa án theo thủ tục tố tụng nhưng Anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Anh D là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thanh L và anh Nguyễn Tiến D xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không

hòa hợp, bắt đồng quan điểm sống. Cuối năm 2018 Anh D đã bỏ đi làm ăn ở đâu không nói cho chị L được biết, không quan tâm con cái, thỉnh thoảng về thăm con xong lại đi không hỏi han, chia sẻ gì với vợ. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”; “2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác...”. Tuy nhiên, Anh D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của người chồng, bỏ đi nơi khác làm ăn, sinh sống không liên lạc với vợ, không cùng nhau chung sống cũng như làm việc đóng góp kinh tế nuôi dạy con cái, không quan tâm, chia sẻ với nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh D. HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với Anh D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị L, Anh D có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2012. Xét thấy, hiện nay Anh D đã bỏ đi, chị L không biết Anh D đang ở đâu, làm gì, có khả năng kinh tế nuôi dưỡng con hay không. Mặt khác hiện tại chị L vẫn đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh V, theo xác nhận của tổ trưởng tổ 2 thì cháu V hiện đang sinh sống cùng với chị L và 2 mẹ con ở cùng với ông bà ngoại (BL 30). Thu nhập của chị L từ lương hàng tháng cũng ổn định. Căn cứ biên bản ghi ý kiến nguyện vọng con chung ngày 25/11/2021 v/v ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh V thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ (BL 24) và Biên bản về việc tham khảo ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, về trẻ em (BL 38, 39) và xem xét điều kiện thực tế để chăm sóc, giáo dục con chung. Tại phiên toà Anh D cũng không có mặt, do đó HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Minh V cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, đảm bảo được quyền lợi tốt nhất cho cháu. Anh D được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản riêng: Không có tranh chấp gì về tài sản riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh L.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Thanh L được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh V, sinh ngày 22/4/2012 cho chị Trần Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Minh V đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. *Về án phí*: Chị Trần Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000600, ngày 11/11/2021 (*Nguyễn Quỳnh Trang nộp thay*).

4. *Quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Thanh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Nguyễn Tiến D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND TP H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP H;
- UBND xã H, L, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS - BP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Mỹ Lệ